

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TƠ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày: 08-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Sinh;

2. Ông Lê Hữu Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Ngãi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

**Phạm Văn K**, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2003; Nơi sinh: xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện B, Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị K; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**\* Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn A, Công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 14/9/2021, sau khi “nhậu” xong Phạm Văn K nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị Nguyễn Thị Lệ T trộm cắp tài sản. Để tránh người khác phát hiện, bị cáo đến Nhà văn hóa thôn N, xã V để chờ đợi.

Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, bị cáo đi bộ dọc theo bờ ruộng đến phía sau nhà chị Thu, rồi trèo qua hàng rào lưới B40 rồi lén lút đi vào nhà đến khu vực quầy tạp hóa của chị T. Lúc này, bị cáo đến tủ kính nơi chị T bán hàng tạp hóa để lục lọi tìm kiếm tài sản, thì phát hiện bên trong ngăn tủ có tiền, nên bị cáo lấy số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) rồi cầm trên tay. Sau đó, bị cáo tiếp tục lục lọi thì phát hiện 01 (một) túi vải bên trong có chứa thẻ cào điện thoại, nên K tiếp tục lấy 57 (năm mươi bảy) thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) và 10 (mười) thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) cầm trên tay. Sau khi lấy được số tài sản trên, K đem về nhà mình cất giấu, rồi đến nhà Phạm Văn S ngủ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, K đến chỗ cất giấu tài sản lấy số thẻ cào đã trộm cắp được nạp vào tài khoản sim số thuê bao di động 0968.097.XXX gắn trong điện thoại Samsung Galaxy J4+ của bị cáo. Sau khi nạp xong, bị cáo đem toàn bộ thẻ cào đến bếp lửa ở nhà đốt tiêu hủy. Tiếp đó, bị cáo chuyển số tiền có được trong tài khoản số thuê bao 0968.097.XXX vào tài khoản game Liên Quân mobile của bị cáo và đăng ký mạng 4G để phục vụ việc chơi game. Còn đối với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo sử dụng số tiền này để ăn uống tiêu xài cho cá nhân hết số tiền 1.612.000đ (một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng), còn lại số tiền 388.000đ (ba trăm tám mươi tám nghìn) thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn K thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo vào sáng ngày 14/9/2021 tại quầy tạp hóa của nhà chị Nguyễn Thị Lệ T thuộc thôn N, xã B, huyện B; lợi dụng lúc đêm khuya, mọi người đi ngủ không có ai trông coi tài sản, nên đã lén lút đột nhập vào nhà chị T trộm cắp số tiền 2.000.000 đồng; rồi tiếp tục lục lọi lấy 57 (năm mươi bảy) thẻ cào Viettel tổng giá trị: 1.640.000 đồng để nhằm mục đích để tiêu xài và sử dụng cho cá nhân.

Căn cứ Kết luận định giá số 13/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư, kết luận: 57 (năm mươi bảy) thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000 đồng và 10 (mười) thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng. Có tổng giá trị tài sản bị thiệt hại: 1.640.000 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình vào ngày 14/9/2021, bị cáo khai nhận bản thân không có nghề nghiệp, thường xuyên đi lang thang và nghiện chơi game. Do đó, để có tiền tiêu xài, Phạm Văn K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân và chơi game.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 26/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4+, bên trong gắn 02 (hai) sim Viettel số thuê bao là: 0342.134.380 và 0968.097.681.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo không có tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt thấy người bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn K giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn thừa nhận với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 14/9/2021, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T tại thôn N, xã V, huyện B. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.640.000 đồng (ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Phạm Văn K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người đã thành niên nên nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mình; nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là bỏ học, nghiện trò chơi điện tử nên bị cáo cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Ngoài hành vi phạm tội này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo rõ ràng, ăn năn hối cải về hành vi do mình gây ra, không gây trở ngại cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có ông nội, bà nội được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật. Do bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo hiện không còn việc làm nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4+ thuộc quyền sở hữu của Phạm Văn K nên trả lại cho bị cáo sử dụng.

- 01(một) đĩa CD KACHI CD-R80 bên trong lưu trữ các video thể hiện hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Văn K vào ngày 14/9/2021 tại nhà chị Nguyễn Thị Lệ T do chị Nguyễn Thị Lệ T giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra và chị T không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 388.000 đồng – Là số tiền thu giữ trên người của bị cáo, xác định là số tiền còn lại trong tổng số tiền 2.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Lệ T. Căn cứ điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, ngày 07/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã trả lại vật chứng nêu trên cho chị Nguyễn Thị Lệ T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08/12/2021.

Giao bị cáo Phạm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J4+, IMEI1: 351590103532078, IMEI2: 351590103532076, bên trong có gắn 02 (hai) sim.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ ngày 27/10/2021)

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo, căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Dương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Huy**